ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1489/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án Hỗ trợ phát triển giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013-2016

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7279
Ngày: 14/8/17
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày29/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án Hỗ trợ phát triển giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013-2016;

Xét đề nghị của Trung tâm Giống tỉnh tại Tờ trình số 120/TTr-TTG ngày 19/5/2017 về việc trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Dự án Hỗ trợ phát triển giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013-2016; trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 168/BC-STC-ĐT ngày 03/8/2017 của Sở Tài chính Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành.

- Tên công trình Dự án Hỗ trợ phát triển giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013-2016.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Giống tỉnh *(chủ đầu tư trước đây là Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi tỉnh)*.

- Địa điểm xây dựng: các huyện Mộ Đức, Đức Phổ và Bình Sơn.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: Năm 2013-2016.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	**5.597.690.000**	**5.529.126.000**	**68.564.000**
- Vốn NS	4.448.153.000	4.379.589.000	68.564.000
- Vốn tự có của chủ đầu tư	1.149.537.000	1.149.537.000	0

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	**8.749.460.000**	**5.597.690.000**
- Xây dựng:	1.926.982.000	1.067.298.000
- Thiết bị	1.980.000.000	1.643.985.000
- Đầu tư SX giống lúa	3.358.306.000	2.447.158.000
- Quản lý dự án:	153.491.000	57.400.000
- Tư vấn:	310.583.000	287.510.000
- Chi phí khác:	114.794.000	94.339.000
- Dự phòng:	905.304.000	0

3 . Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

4 . Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư *(không bao gồm phần vốn sự nghiệp và vốn tự có của chủ đầu tư hàng năm hỗ trợ đầu tư sản xuất giống lúa)*:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	**0**		**3.150.532.000**	
1.Tài sản cố định	0		3.150.532.000	
2.Tài sản lưu động	0		0	

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư của công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	**3.150.532.000**	
Vốn NS	3.150.532.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó:	- Nợ phải thu:	19.806.000 đồng
	- Nợ phải trả:	88.370.000 đồng

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số II kèm theo)

- Nguồn vốn trả nợ công trình: từ nguồn thanh toán vượt 19.806.000 đồng; trình cấp thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn bổ sung 68.564.000 đồng; thanh toán dứt điểm công nợ 88.370.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Trạm giống Đức Hiệp	3.150.532.000	0

3. Trung tâm giống tỉnh (chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 168/BC-STC-ĐT ngày 03/8/2017 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Trung tâm Giống tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt403.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục I:

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Công trình Dự án Nhà máy chế biến giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013-2016

(Kèm theo Quyết định số 1[illegible]/QĐ-UBND ngày 14 /8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	**Chi phí xây dựng**	**1.926.982.000**	**1.067.298.000**	**1.067.298.000**	**-859.684.000**	**0**
1	Nhà bảo quản chế biến hạt giống	1.087.104.000	1.067.298.000	1.067.298.000	-19.806.000	0
2	Nhà quản lý, trưng bày hạt giống	839.878.000	0	0	-839.878.000	0
II	**Chi phí thiết bị**	**1.980.000.000**	**1.643.985.000**	**1.643.985.000**	**-336.015.000**	**0**
III	**Đầu tư sản xuất giống lúa**	**3.358.306.000**	**2.447.158.000**	**2.447.158.000**	**-911.148.000**	**0**
1	Sản xuất hạt giống lúa dòng G1	299.579.000	270.884.000	270.884.000	-28.695.000	0
2	Sản xuất hạt giống lúa SNC	2.226.727.000	1.944.478.000	1.944.478.000	-282.249.000	0
3	Mua bản quyền tác giả giống SNC	600.000.000	0	0	-600.000.000	0
4	Tập huấn kỹ thuật sản xuất giống	232.000.000	231.796.000	231.796.000	-204.000	0
IV	**Chi phí quản lý dự án**	**153.491.000**	**57.400.000**	**57.400.000**	**-96.091.000**	**0**
V	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**310.583.000**	**287.510.000**	**287.510.000**	**-23.073.000**	**0**
1	Chi phí Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	233.390.000	233.390.000	233.390.000	0	0
2	Chi phí Thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	7.764.000	7.764.000	7.764.000	0	0
3	Chi phí Lập hồ sơ MT và đánh giá HSDT xây lắp	6.444.000	6.400.000	6.400.000	-44.000	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
4	Chi phí Giám sát thi công xây dựng	50.254.000	28.329.000	28.329.000	-21.925.000	0
5	Chi phí Giám sát thi công lắp đặt máy móc thiết bị	12.731.000	11.627.000	11.627.000	-1.104.000	0
VI	**Chi phí khác**	**114.794.000**	**79.277.000**	**94.339.000**	**-20.455.000**	**15.062.000**
1	Lệ phí Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	3.275.000	3.275.000	3.275.000	0	0
2	Lệ phí Bảo hiểm công trình	4.780.000	2.694.000	2.694.000	-2.086.000	0
3	Chi phí Kiểm toán báo cáo quyết toán	56.872.000	56.872.000	56.872.000	0	0
4	Chi phí Thẩm tra phê duyệt quyết toán	49.867.000	16.436.000	31.498.000	-18.369.000	15.062.000
VII	**Dự phòng chi**	**905.304.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
VIII	**Tổng cộng**	**8.749.460.000**	**5.582.628.000**	**5.597.690.000**	**-2.246.466.000**	**15.062.000**

Phụ lục II:

BẢNG CÔNG NỢ

Công trình Dự án Hỗ trợ phát triển giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013-2016

(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày 14 /8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		**Chi phí xây dựng**	**1.067.298.000**	**1.087.104.000**	**-19.806.000**	**0**
1	Công ty TNHH MTV Anh Khoa Quảng Ngãi	Xây lắp công trình	1.067.298.000	1.087.104.000	-19.806.000	0
II		**Chi phí thiết bị**	**1.643.985.000**	**1.643.985.000**	**0**	**0**
1	Cty CP cơ khí và thương mại Phú Minh Phát	Mua sắm máy móc thiết bị chế biến bảo quản hạt giống	1.643.985.000	1.643.985.000	0	0
III		**Đầu tư sản xuất giống lúa**	**2.447.158.000**	**2.447.158.000**	**0**	**0**
1	Trạm giống cây nông nghiệp Đức Hiệp	Sản xuất hạt giống lúa dòng G1	270.884.000	270.884.000	0	0
		Sản xuất hạt giống lúa SNC	1.944.478.000	1.944.478.000	0	0
		Tập huấn kỹ thuật sản xuất giống	231.796.000	231.796.000	0	0
IV		**Chi phí quản lý dự án**	**57.400.000**	**57.400.000**	**0**	**0**
1	Ban quản lý Dự án hỗ trợ phát triển giống lúa thuần mới chất lượng cao giai đoạn 2013-2016	Quản lý dự án	57.400.000	57.400.000	0	0
V		**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**287.510.000**	**287.510.000**	**0**	**0**
1	Trung tâm tư vấn NN&PTNT Quảng Ngãi	Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	233.390.000	233.390.000	0	0
2	Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng DHD	Thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	7.764.000	7.764.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
3	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng NHT	Lập hồ sơ YC, đánh giá HSĐX gói thầu số 2	6.400.000	6.400.000	0	0
4	Cty TNHH MTV tư vấn xây dựng Tân Phát	Giám sát thi công xây dựng	28.329.000	28.329.000	0	0
		Giám sát thi công lắp đặt máy móc thiết bị	11.627.000	11.627.000	0	0
VI		**Chi phí khác**	**94.339.000**	**5.969.000**	**0**	**88.370.000**
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	3.275.000	3.275.000	0	0
2	Công ty Bảo hiểm Quảng Ngãi	Bảo hiểm công trình	2.694.000	2.694.000	0	0
3	Công ty TNHH kiểm toán số 1	Kiểm toán	56.872.000	0	0	56.872.000
4	Sở Tài chính	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	31.498.000	0	0	31.498.000
VII	**Tổng cộng**		**5.597.690.000**	**5.529.126.000**	**-19.806.000**	**88.370.000**